

Bản án số: **36/2018/HNGĐ-ST**
Ngày 01.8.2018
V/v “*Tranh chấp ly hôn
và nuôi dưỡng con chung*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U MINH THƯỢNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa: **Ông Trần Văn Chính**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Lan

2. Ông Danh Sol

- Thư ký phiên tòa: **Bà Thị Thúy Kiều**-Thư ký Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U Minh Thượng tham gia phiên tòa: Thuộc trường hợp không tham gia phiên tòa sơ thẩm.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018 tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 78/2018/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 5 năm 2018 về việc “*Tranh chấp ly hôn và nuôi dưỡng con chung*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 26/2018/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Ông Trương Tấn G**, sinh năm 1982.

HKTT: Ấp B, xã T, huyện H, tỉnh Hậu Giang.

Chỗ ở hiện nay: Khu phố C, phường B, thị xã TU, tỉnh Bình Dương. *(có mặt tại phiên tòa)*

Bị đơn: **Bà Lý Thị T**, sinh năm 1987.

Địa chỉ cư trú: Ấp H, xã B, huyện U, tỉnh Kiên Giang. (*vắng mặt tại phiên tòa*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện vụ án ly hôn đề ngày 12 tháng 4 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng, Nguyên đơn ông Trương Tấn G trình bày:

Về hôn nhân: Ông Trương Tấn G và Bà Lý Thị T quen biết yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2007, đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Ông G và Bà T chung sống được 07 năm thì Bà T tự ý bỏ về nhà cha, mẹ ruột tại huyện U Minh Thượng cho đến nay. Cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc nên ông G yêu cầu ly hôn với Bà T.

Về con chung: Ông G và Bà T có một người con chung tên Trương Văn Lùng, sinh ngày 06/12/2008, giới tính nam đang sống với ông G. Khi ly hôn ông G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông G và Bà T không có tài sản chung và nợ chung.

Bà Lý Thị T vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Tài liệu, chứng cứ ông G cung cấp gồm có: Giấy chứng minh nhân dân (bản phô tô); Sổ hộ khẩu (bản phô tô); 01 Giấy chứng nhận kết hôn (bản gốc); 01 Giấy khai sinh (bản sao); 01 Đơn xin xác nhận nơi cư trú (bản gốc).

Tại phiên tòa: Ông G giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với Bà T; yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con. Ông G và Bà T không có tài sản chung và nợ chung.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Bà Lý Thị T được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai tham gia phiên tòa xét xử, nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử thống nhất xét xử vắng mặt Bà T.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Ông Trương Tấn G và Bà Lý Thị T quen biết yêu thương nhau và tự nguyện đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương vào năm 2007, đăng ký kết hôn vào ngày 03/12/2008 tại Ủy ban nhân dân xã Bình Thành, huyện Phụng Hiệp, tỉnh Hậu Giang. Vì vậy quan hệ hôn nhân giữa ông G và Bà T là hợp pháp.

[3] *Xét yêu cầu ly hôn của ông G*: Theo lời trình bày của ông G, vợ chồng chung sống khoảng 07 năm, đến năm 2015 Bà T tự ý bỏ về nhà cha, mẹ ruột tại huyện U Minh Thượng cho đến nay.

Tòa án đã Thông báo cho Bà T biết về yêu cầu khởi kiện của ông G và mời tham gia hòa giải, nhưng Bà T không có ý kiến và vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án.

Xét thấy từ năm 2015 ông G và Bà T không còn chung sống với nhau, đến nay hai bên không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Mặt khác tại phiên tòa ông G vẫn kiên quyết yêu cầu ly hôn với Bà T.

Hội đồng xét xử nhận thấy đời sống hôn nhân của ông G và Bà T mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho ông G được ly hôn với Bà T.

[4] *Về con chung*: Ông G và Bà T có một người con chung tên Trương Văn Lùng, sinh ngày 06/12/2008, đang sống với ông G. Khi ly hôn ông G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con.

Tuy không có ý kiến của Bà T về quan hệ con chung, nhưng xét thấy cháu Lùng đang sống ổn định với Giang. Tại bản tự khai cháu Lùng cũng có nguyện vọng được sống với ông G. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu của ông G, giao cháu Lùng cho ông G tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[5] *về cấp dưỡng nuôi con*: Ông G không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của ông G.

[6] *Về tài sản chung và nợ chung*: Ông G cho rằng ông G và Bà T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] *Về án phí sơ thẩm*: Ông G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 6; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho ông Trương Tấn G được ly hôn với Bà Lý Thị T.

2. Về con chung: Giao Trương Văn Lừng, sinh ngày 06/12/2008, giới tính nam cho ông Trương Tấn G trực tiếp nuôi dưỡng (cháu Lừng đang sống với ông G). Ông G không yêu cầu Bà T cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Bà T có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng con chung của ông G.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông G cho rằng ông G và Bà T không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Ông Trương Tấn G phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*), khấu trừ vào số tiền ông Trương Tấn G đã nộp là 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu số 0004147, ngày 18/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang.

5. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng tại phiên tòa thì thời hạn

kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại Ủy ban nhân dân xã An Minh Bắc và Tòa án nhân dân huyện U Minh Thượng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- *Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang;*
- *Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;*
- *Chi cục Thi hành án dân sự cùng cấp;*
- *UBND xã nơi đăng ký kết hôn;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ.*

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chính

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Chính